

Bản án số: 196/2018/DS-ST

Ngày : 26/6/2018

V/v : “ *Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Khuru Thị Ngọc Bích

2/ Ông Hồ Lê Hưng

*Thư ký Tòa án phiên tòa:* Ông Lâm Đức Tài

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa :

Ông Nguyễn Đức Thịnh – kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2016, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐST-XX-DS ngày 28 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Bà Đoàn Thị Th. – sinh năm 1947

Địa chỉ : Số A, đường B, phường C, quận Tân Phú, Tp.HCM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. có ông K. – luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn : Ông Nguyễn Văn L. – sinh năm 1964

Địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM.

( Tại phiên tòa bà Đoàn Thị Th., ông Kim Ron Tha - có mặt, ông Nguyễn Văn L. – có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2016 và các chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. trình bày:

Cha ruột của bà tên Đoàn Văn Ch. – đã chết nhưng không nhớ chính xác năm. Bà Đoàn Thị X. – đã chết nhưng cũng không nhớ chính xác năm - là em ruột của ông Ch.. Ông Nguyễn Văn L. là con ruột của bà X. Giữa bà và ông L. có mối quan hệ họ hàng con cô cậu.

Bà Đoàn Thị X. có các con sau: bà Nguyễn Thị T., bà Nguyễn Thị L. – đã chết nhưng không nhớ chính xác năm, ông Nguyễn Văn M. ( M. anh ) – đã chết nhưng không nhớ chính xác năm, ông Nguyễn Văn M2. (M2. em), ông Nguyễn Văn C. và ông Nguyễn Văn L..

Bà Nguyễn Thị L. có các con sau: bà Nguyễn Thị H., ông Nguyễn Văn M., bà Nguyễn Thị Xuân Đ., bà Nguyễn Thị H2.

Ông Nguyễn Văn M. (Minh anh) có các người con sau: bà Nguyễn Thị Kim H3. và bà Nguyễn Thị L2.

Tất cả những anh chị em ruột còn sống là bà Nguyễn Thị T., ông Nguyễn Văn M2. (Minh em), ông Nguyễn Văn C. và ông Nguyễn Văn L. đã thống nhất và ký nhận giao cho bà 135 m<sup>2</sup> đất để thờ cúng ông bà theo biên bản phân chia gia tộc ngày 09/11/2007. Sau đó, phần đất này đã được nhà nước quy hoạch, ông Nguyễn Văn L. là người đại diện nhận toàn bộ số tiền quy hoạch của gia tộc. Tổng số tiền bà được hưởng là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng. Vào năm 2002 bà đã nhận từ ông L. số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Cho đến nay bà vẫn chưa nhận được số tiền còn lại là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

Bà xác nhận lại hiện nay ông Nguyễn Văn L. vẫn còn nợ bà số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Bà yêu cầu ông L. phải trả cho bà số tiền gốc 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn L. trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị Th. là chị em họ, mẹ ruột của ông là bà Đoàn Thị X. – là dì ruột của bà Đoàn Thị Th.. Ba ruột của bà Th. là ông Đoàn Văn Ch. – là cậu ruột của ông và là anh ruột của bà Đoàn Thị X.

Vào ngày 09/11/2007, tất cả các người con đều thống nhất phần đất 135 m<sup>2</sup> thuộc một phần trong tổng số đất 2.575m<sup>2</sup> là phần đất thờ cúng.

Sau đó, bà Th. yêu cầu giao phần đất trên, do bà bên nội và bà là người thờ cúng ông bà. Các ông bà T., C., M. (anh), M2. (em), M. và ông đều đồng ý và thỏa thuận sẽ giao cho bà Đoàn Thị Th. tổng cộng số tiền là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tương đương với trị giá phần đất là 135 m<sup>2</sup>. Bà Th. đồng ý nhận số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng. Vào năm 2002 bà Th. đã nhận số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ngày 16/6/2009 và ngày 01/9/2009 bà Th. đã nhận tiền trực tiếp từ ông số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tổng cộng bà Th. đã nhận đủ số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, có chữ ký nhận của bà Th. trong sổ giao tiền mà ông đang giữ.

Trước yêu cầu bà Th. buộc ông phải giao cho bà số tiền còn thiếu là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng tương đương phần giá trị đất có diện tích 135 m<sup>2</sup> thuộc một phần trong tổng số đất 2.575m<sup>2</sup> thì ông hoàn toàn không đồng ý vì ông đã giao đầy đủ số tiền trên cho bà Đoàn Thị Th..

Tại phiên tòa xét xử công khai ngày 18/01/2018, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. có yêu cầu miệng về trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Th. trong giấy

giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009. Hội đồng xét xử đã từ chối yêu cầu của bà Th. theo quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau đó, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đoàn Thị Th. có ông K. cùng có yêu cầu : nguyên đơn không đồng ý đi giám định chữ ký và chữ viết của bà Th. trong giấy giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009 và cho rằng bị đơn ông Nguyễn Văn L. nộp cho Tòa án chứng cứ trên nên phải có nghĩa vụ yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Ngày 02 tháng 05 năm 2018, ông Nguyễn Văn L. có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại Tòa án và không đồng ý với yêu cầu ông phải là người có nghĩa vụ đi giám định chữ ký, chữ viết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Đoàn Thị Th. vẫn giữ nguyên yêu cầu ông L. phải trả cho bà số tiền gốc 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn L. có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông K. phát biểu ý kiến tóm tắt như sau : Từ khi thụ lý vụ án giải quyết đến nay, giữa bà Th. và ông L. không có sự thỏa thuận thống nhất ý kiến. Ông L. đã nộp cho tòa án chứng cứ là giấy giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009, chứng cứ do bị đơn nộp thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu không thì HĐXX phải bác chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ , xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: có căn cứ để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 18/11/2016 bà Đoàn Thị Th. nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L. trả cho bà số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng là số tiền bồi thường quy hoạch mà bà được hưởng đối với phần đất phân chia gia tộc, ông L. đã nhận tiền bồi thường nhưng đã không giao lại cho bà. Vì vậy đây là vụ án tranh

chấp “Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự” được quy định tại Điều 286 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại biên bản ngày 22/7/2017 của công an phường Tân Quý, quận Tân Phú xác minh ông Nguyễn Văn L. có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú và thực tế đang cư ngụ tại địa phương nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú giải quyết là phù hợp theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 18/11/2016, nguyên đơn bà Đoàn Thị L. nộp đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn L. tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú nên thời hiệu khởi kiện được tính theo đúng quy định tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà Đoàn Thị L. là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn L. là bị đơn hoàn toàn phù hợp theo đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Do bị đơn ông Nguyễn Văn L. có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L. theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L. vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Văn L. phải trả số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, thời hạn trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy bà Đoàn Thị Th. và ông Nguyễn Văn L. cùng xác nhận sự thật các anh chị em ruột của ông L. đã thống nhất và ký nhận giao cho bà Th. 135 m<sup>2</sup> đất để thờ cúng ông bà theo biên bản phân chia gia tộc ngày 09/11/2007, sau đó mọi người đều đồng ý và thỏa thuận sẽ giao cho bà Th. tổng cộng số tiền là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tương đương với trị giá phần đất trên. Bà Th. đồng ý nhận số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng. Vào năm 2002 bà Th. đã nhận số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Bà Th. trình bày đến nay là số tiền ông L. còn phải trả cho bà tiếp tục là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Ông L. trình bày vào ngày 16/6/2009 ông đã trực tiếp giao cho bà Th. số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và ngày 01/9/2009 ông đã trực tiếp đưa cho bà Th. số tiền còn lại 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tổng cộng bà Th. đã nhận đủ số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Vào ngày 17/01/2017 ông L. đã nộp cho Tòa án giấy giao nhận tiền giữa ông và bà Th. vào ngày 16/6/2009 và ngày 01/9/2009. Bà Th. trình bày chữ viết và chữ ghi tên “Đoàn Thị Th.” tại giấy giao nhận tiền trên là của ông L., riêng chữ ký thì bà xác nhận do bà trực tiếp ký vào giấy nhưng khi ký tên bà Th. không đọc nội dung. Tuy nhiên, từ lúc nộp đơn khởi kiện đến khi mở phiên tòa xét xử công khai nhiều lần vào các ngày 30/8/2017, 26/9/2017 và 22/12/2017 bà Th. vẫn giữ nguyên lời trình bày và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà. Tại phiên tòa xét

xử công khai ngày 18/01/2018, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. có yêu cầu miệng về việc trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Th. trong giấy giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009. Hội đồng xét xử đã từ chối yêu cầu của bà Th. theo quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau đó, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đoàn Thị Th. có ông Kim Ron Tha cùng có yêu cầu tiếp theo : nguyên đơn không đồng ý đi giám định chữ ký và chữ viết của bà Th. trong giấy giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009 và cho rằng bị đơn ông Nguyễn Văn L. nộp cho Tòa án chứng cứ trên nên phải có nghĩa vụ yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Ngày 02 tháng 05 năm 2018, ông Nguyễn Văn L. có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại Tòa án và không đồng ý với yêu cầu ông phải là người có nghĩa vụ đi giám định chữ ký, chữ viết. Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng ông L. đã nộp cho tòa án chứng cứ là giấy giao tiền các ngày 16/06/2009 và 01/9/2009, chứng cứ do bị đơn nộp thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải trưng cầu giám định trong trường hợp này.

Xét tại thời điểm ký nhận tiền vào các ngày 16/6/2009 và 01/9/2009 bà Th. là người đầy đủ năng lực pháp luật dân sự của cá nhân và năng lực hành vi dân sự của cá nhân theo Điều 14 và Điều 17 Bộ luật dân sự năm 2005, bà không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh vào thời điểm ký nhận tiền vào ngày 16/6/2009 và ngày 01/9/2009 bà thuộc các trường hợp quy định tại Điều 22 và Điều 23 Bộ luật dân sự năm 2005. Bên cạnh đó, bà Th. đã xác nhận chữ ký tên là của bà. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Th..

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi và thời hạn thanh toán .

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Đoàn Thị Th. phải chịu án phí là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0025900 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Thị Th. phải nộp số tiền án phí còn lại là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn L. không phải chịu án phí

Vì các lý do nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 102, khoản 1 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Điều 14, Điều 17, Điều 22, Điều 23, Điều 286 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xem xét về tiền lãi và thời hạn thanh toán

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Th. phải chịu án phí là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0025900 ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Thị Th. phải nộp số tiền án phí còn lại là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn L. không phải chịu án phí

Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Hiền**